

CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐÁU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2026/CBTT-SBD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

- Mã chứng khoán: SBD

- Địa chỉ: Lô U.14b – 16a, Đường số 22, KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 028 37700968 Fax: 028 37700968

- E-mail: info@saobacdau.vn Website: <https://saobacdau.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Thông báo mời họp và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên SBD 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/06/2026 tại đường dẫn <https://saobacdau.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp ĐHĐCĐ 2026
- Các tài liệu họp ĐHĐCĐ 2026

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Nguyễn Đức Quang

Số: 01/2026/TBMH-ĐHCD

TP.HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (mã chứng khoán: SBD, mã số doanh nghiệp: 0303191804) trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, như sau:

I. THỜI GIAN: 08h00-11h30 Thứ Tư ngày 22 tháng 07 năm 2026

II. ĐỊA ĐIỂM:

Tại TP HCM: Lô U.14b – 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh.

(Trụ sở chính Công ty – Chủ tọa điều hành cuộc họp)

Tại HN: Tầng 3, Tòa nhà CT1AB, Chung cư VOV, Phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội.

(Trụ sở Chi nhánh Công ty tại Hà Nội – Qua Video Conferencing)

III. ĐIỀU KIỆN THAM DỰ:

- Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán SBD chốt tại ngày 18/06/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.
- Trường hợp Cổ đông không thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho đại diện tham dự. Việc ủy quyền phải làm bằng văn bản theo mẫu đính kèm, hoặc các mẫu ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật, có chữ ký xác nhận (đối với Cổ đông là thể nhân) và ký tên, đóng dấu (đối với Cổ đông là tổ chức, cơ quan).

IV. CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU HỌP:

Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2026 SBD bao gồm việc nghe báo cáo và thông qua:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và kế hoạch hoạt động, ngân sách năm 2026.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2025, kế hoạch hoạt động, ngân sách năm 2026 và lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2026.
- Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ/ Quy chế nội bộ về quản trị công ty/ Quy chế hoạt động HĐQT.



Tài liệu phục vụ Đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của SBD tại <https://saobaodau.vn>.

V. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Mọi thông tin cần thiết liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của SBD, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

Ban Tổ chức ĐHĐCĐ Thường niên năm 2026 CTCP Công Nghệ Sao Bắc Đẩu

Địa chỉ: Lô U.14b – 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 37700968 hoặc 0908 882182 (Ms: Uyên: Chánh VP HĐQT)

Email: uyenlna@saobaodau.vn

Trân trọng thông báo và kính mời!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐỨC QUANG

Ghi chú:

- Thông báo này thay thế cho Thư mời gửi cho từng cổ đông trong trường hợp cổ đông không nhận được thư mời qua đường bưu điện.
- Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội vui lòng mang theo giấy CCCD hoặc hộ chiếu; hoặc VNEID được xác nhận mức 2; người được ủy quyền mang theo giấy ủy quyền hợp lệ của người ủy quyền.





NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN
CUỘC HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Thời gian: Từ 08h00 đến 11h30 thứ Tư ngày 22 tháng 07 năm 2026

Địa điểm chính: Lô U.14b – 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh (*Trụ sở chính Công ty – Chủ tọa điều hành cuộc họp*)

Địa điểm phụ: Tầng 3, Tòa nhà CT1AB, Chung cư VOV, Phường Đại Mỗ, TP. Hà Nội (*Trụ sở Chi nhánh Công ty tại Hà Nội*) - qua Video Conferencing

Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
08h00 – 08h30	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp và đăng ký đại biểu, cổ đông.- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách các cổ đông tham dự Đại hội.	Ban tổ chức
08h30 – 08h40	<ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do tổ chức và giới thiệu Đại biểu.	Ban tổ chức
08h40 – 08h45	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của cuộc họp Đại hội.	Đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông
08h45 – 08h55	<ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu Chủ tịch Đoàn, cử Thư ký Đại hội, bầu Ban Kiểm phiếu và thông qua Quy chế tổ chức và Chương trình cuộc họp của Đại hội.	Chủ tọa
08h55 – 09h00	<ul style="list-style-type: none">- Hướng dẫn cách thức biểu quyết.	Chủ tọa
09h00 – 09h40	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Ban TGD, bao gồm:<ul style="list-style-type: none">❖ Báo cáo hoạt động SXKD năm 2025;❖ Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2025;❖ Kế hoạch, chỉ tiêu kinh doanh của Cty mẹ và hợp nhất năm 2026.	Đại diện Ban điều hành
09h40 – 10h20	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội đồng quản trị, bao gồm:<ul style="list-style-type: none">❖ Báo cáo hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động và chi phí của HĐQT năm 2026;• Tờ trình về thông qua BCTC đã kiểm toán năm tài chính kết thúc 31/3/2026; phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026.• Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ/ Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.	Đại diện HĐQT
10h20 – 10h30	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Ban kiểm soát, bao gồm:<ul style="list-style-type: none">❖ Báo cáo kiểm tra giám sát năm 2025 và kế hoạch hoạt động, ngân sách năm 2026.	Đại diện BKS



	- Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đối tác kiểm toán độc lập năm 2026.	
10h30-10h50	- Giải lao	MC
10h50-11h10	- Hồi đáp	Chủ tọa
11h10-11h20	- Biểu quyết về các Nội dung trình ĐHCĐ: <i>Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán 2025; Thông qua lựa chọn kiểm toán độc lập 2026; Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2025; Thông qua kế hoạch SXKD 2026; Thông qua Báo cáo của HĐQT 2025 và kế hoạch hoạt động, ngân sách HĐQT 2026; Thông qua Báo cáo BKS 2025 và kế hoạch hoạt động, ngân sách BKS 2026; Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ; Thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT.</i>	Chủ tọa
11h20 – 11h30	- Công bố kết quả và bế mạc <ul style="list-style-type: none"> ❖ Chủ tọa đọc dự thảo BBH. ❖ Tuyên bố bế mạc cuộc họp của Đại hội. 	Chủ tọa

Ghi chú: Chương trình cuộc họp chính thức sẽ được thông qua tại cuộc họp Đại hội cổ đông.



Số: 01/2026/TTr-ĐHĐCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu;

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) xem xét và thông qua các vấn đề sau:

Nội dung 1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2025 của Công ty đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – thành viên RSM Quốc tế, theo lựa chọn của ĐHĐCD thường niên năm 2025 và đã được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Tài liệu chi tiết đã được công bố trên website của Công ty và hệ thống công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Kính trình ĐHĐCD xem xét và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm tài chính 2025 của Công ty.

Nội dung 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Căn cứ theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2025.

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	14,57	—
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,50	—
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3,93)	Thuế hoãn lại từ chi phí dự phòng chưa thực hiện
4	Lợi nhuận sau thuế	10,99	—



5	Trích lập các quỹ:	0,385	Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ
6	Lợi nhuận còn lại năm 2025 sau khi trích các quỹ	10,61	—
7	Tỷ lệ cổ tức chi trả 2025	6,96	5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 500 đồng)
8	Hình thức chi trả		Bằng tiền mặt
9	Thời gian chi trả		Dự kiến từ Quý 2/2026

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025 như trên.

Nội dung 3. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Công ty mẹ

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu thuần	909,40	1.008,00	10,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	10,90	17,70	62,4%
3	Cổ tức cổ đông Công ty Mẹ	6,96	13,92	100%

2. Hợp nhất (SBD Mẹ và các công ty con)

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu thuần	918,90	1.008,00	9,7%
2	Lợi nhuận sau thuế	11,04	13,90	25,9%



Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2026 của Công ty như trên. Giao HĐQT chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU
 NGUYỄN ĐỨC QUANG
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 02/2026/TTr-DHĐCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 245/2025/ND-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu;

Ban Kiểm soát (“BKS”) Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCD”) xem xét và thông qua nội dung sau:

Trên cơ sở kết quả hợp tác trong năm tài chính 2025, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua việc tiếp tục giao cho Công ty lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – thành viên RSM Quốc tế (“RSM”) – để đàm phán và ký kết Hợp đồng thực hiện soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính năm tài chính 2026 của Công ty.

Trường hợp việc hợp tác, đàm phán ký kết hợp đồng với RSM không thành công, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chủ động lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập khác thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo công bố của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2026 của Công ty theo đúng quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình.

THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT



Số: 03/2026/TTr-DHĐCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;
- Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) xem xét, thông qua việc:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Phụ lục 01 đính kèm).
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty và Người đại diện theo pháp luật ban hành Điều lệ chính thức sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và hoàn tất các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Căn cứ
1	Trang bìa ĐIỀU LỆ NÀY ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NGÀY 01 THÁNG 12 NĂM 2022	Trang bìa ĐIỀU LỆ NÀY ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 22 THÁNG 07 NĂM 2026	Cập nhật trang bìa hiệu lực của Điều lệ
2	Điểm c Khoản 1 Điều 1 c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Điểm c Khoản 1 Điều 1 c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản được sửa đổi bổ sung;	Cập nhật theo quy định Luật số 03/2022/QH15 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 năm 2025
3	Điểm d Khoản 1 Điều 1 d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Điểm d Khoản 1 Điều 1 d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản được sửa đổi bổ sung;	Cập nhật theo quy định Luật số 56/2024/QH15
4	Chưa có	Điểm o Khoản 1 Điều 1 o) Bí mật thương mại, bí mật kinh doanh” là thông tin chưa được công khai, có giá trị kinh tế hoặc thương mại và mang lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở mã nguồn, giải pháp công nghệ, dữ liệu, thông tin khách hàng, thông tin đối tác, chiến lược kinh doanh và các thông tin khác được Công ty bảo mật.	Cập nhật để phù hợp định hướng kinh doanh của Công ty
5	Khoản 3 Điều 2 Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Điện thoại: (84) (28) 37700968 - Fax: (84) (28) 37700969 - E-mail: info@saobacdau.vn - Website: https://www.saobacdau.vn	Khoản 3 Điều 2 Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Điện thoại: +84 28 3770 0968 - Fax: +84 28 3770 0969 - E-mail: info@saobacdau.vn - Website: https://www.saobacdau.vn Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ này.	Cập nhật theo địa giới hành chính mới
6	Khoản 1 Điều 7 1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có	Khoản 1 Điều 7 1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có	Cập nhật tên gọi cơ quan theo quy định hiện hành

	<p>thẻ là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Trung tâm lưu ký.</p>	<p>thẻ là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.</p>	
7	<p>Điểm a Khoản 2 Điều 12:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điểm a Khoản 2 Điều 12:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Bổ dẫn chiếu cụ thể 'khoản 3' để bảo đảm phạm vi áp dụng phù hợp quy định pháp luật</p>
8	<p>Khoản 2 Điều 16</p> <p>2. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp theo quy định pháp luật có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện theo ủy quyền, cổ đông là cá nhân ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>Khoản 2 Điều 16</p> <p>2. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện theo ủy quyền, cổ đông là cá nhân ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>Điều chỉnh câu chữ nhằm đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</p>
9	<p>Khoản 3 Điều 16</p> <p>3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>	<p>Khoản 3 Điều 16</p> <p>3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>	<p>Bổ sung quy định không được ủy quyền lại cho bên thứ ba</p>

	Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp và không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.	
10	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 21</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Tổ chức lại, giải thể Công ty; <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 21</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty e. Tổ chức lại, giải thể Công ty; <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	Cập nhật theo Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15
11	<p>Khoản 4 Điều 25</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 4 Điều 25</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; b. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác. 	Cập nhật theo khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
12	Khoản 3 Điều 26	Khoản 3 Điều 26	

	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p>	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên 	<p>Cập nhật theo Khoản 79 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>
13	<p>Khoản 3 Điều 27 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Khoản 3 Điều 27 3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).</p>	<p>Cập nhật căn cứ pháp lý theo quy định hiện hành và bổ sung cơ chế dẫn chiếu mở đối với các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</p>
14	<p>Chưa có</p>	<p>Khoản 4 Điều 27 Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và gửi báo cáo này đến Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Cập nhật theo Khoản 82 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>
15	<p>Khoản 7 Điều 39 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p>	<p>Khoản 7 Điều 39 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).</p>	<p>Cập nhật căn cứ pháp lý theo quy định hiện hành và bổ sung cơ chế dẫn chiếu mở đối với các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế</p>
16	<p>Chưa có</p>	<p>Khoản 6 Điều 42 6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn</p>	<p>Cập nhật theo Khoản 83 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>

		của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	
17	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 52</p> <p>b. Công ty thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thông tin điện tử (website) của công ty: www.saobacdau.vn; - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký; - Các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Pháp luật. 	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 52</p> <p>b. Công ty thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thông tin điện tử (website) của công ty: www.saobacdau.vn; - Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; - Các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Pháp luật. 	Cập nhật tên gọi cơ quan theo quy định hiện hành
18	<p>Khoản 1 Điều 60</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu ủy quyền cho HĐQT thông qua theo Nghị quyết HĐQT số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 25/11/2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 1 Điều 60</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu nhất trí thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	Cập nhật ngày hiệu lực của Điều lệ



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

**ĐIỀU LỆ NÀY ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NGÀY 22 THÁNG 07 NĂM 2026**

Y
N
H
Đ
U
C

MỤC LỤC

MỤC LỤC	8
PHẦN MỞ ĐẦU	10
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	10
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	10
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	10
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	10
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	11
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	11
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	11
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	19
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	20
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	20
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông – Chứng nhận sở hữu cổ phần	20
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	20
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	21
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	21
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	21
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	21
VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	21
Điều 12. Quyền của cổ đông	21
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	23
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 17. Thay đổi các quyền	26
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 20. Thể thức tiến hành họp, biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	4
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	29
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	31
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	33
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	36
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	36
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 33. Tổ chức bộ máy điều hành	37
Điều 34. Người điều hành Công ty	37
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	37
IX. BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	38
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	38
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	38
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	39
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	39
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát	39

X.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	40
	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
	Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
XI.	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
	Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	41
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	41
	Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	41
XIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
	Điều 46. Phân phối lợi nhuận	42
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42
	Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	42
	Điều 48. Năm tài chính.....	42
	Điều 49. Chế độ kế toán	42
XV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	43
	Điều 51. Báo cáo thường niên	43
	Điều 52. Trách nhiệm công bố thông tin.....	43
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	43
	Điều 53. Kiểm toán.....	43
XVII.	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	44
	Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	44
XVIII.	GIẢI THỂ CÔNG TY.....	44
	Điều 55. Giải thể Công ty.....	44
	Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	44
	Điều 57. Thanh lý.....	44
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	45
	Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
	Điều 59. Điều lệ công ty.....	45
XXI.	NGÀY HIỆU LỰC	45
	Điều 60. Ngày hiệu lực.....	45

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản được sửa đổi bổ sung.
 - d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản được sửa đổi bổ sung.
 - e. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - o. "Bí mật thương mại, bí mật kinh doanh" là thông tin chưa được công khai, có giá trị kinh tế hoặc thương mại và mang lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở mã nguồn, giải pháp công nghệ, dữ liệu, thông tin khách hàng, thông tin đối tác, chiến lược kinh doanh và các thông tin khác được Công ty bảo mật.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SaoBacDau Technologies Corporation
 - Tên Công ty viết tắt: SBD Corp.
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô U.14b – 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: +84 28 3770 0968
 - Fax: +84 28 3770 0969
 - E-mail: info@saobacdau.vn
 - Website: <https://www.saobacdau.vn>

Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ này

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty: bắt đầu từ ngày thành lập và không bị hạn chế thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám Đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với nguyên tắc nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữa Trọng tài, Tòa án, các cơ quan chính quyền khác... Trách nhiệm của người đại diện pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật hiện hành.

3. Quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật:

- a. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Pháp luật các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, quan hệ chính quyền, ngân hàng.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Pháp luật các vấn đề liên quan đến cổ đông, đầu tư phát triển công nghệ.
- c. Trong trường hợp Tổng giám đốc mất năng lực điều hành thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo các nội dung quy định tại điểm a khoản này và ngược lại.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là :

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán hàng điện, điện tử, thiết bị tin học -	4652 (Chính)



	mạng tin học. Mua bán thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông (không hoạt động tại trụ sở) (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)	
2	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
3	Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
6	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
7	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
8	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
9	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
10	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
11	Sản xuất đồng hồ	2652
12	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
13	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
14	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
15	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: - Sản xuất mô tơ, máy phát - Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
16	Sản xuất pin và ắc quy	2720
17	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
18	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
19	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
20	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
21	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
22	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

	Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông	
23	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
24	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
25	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
26	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
27	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
28	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: bảo trì hàng điện, điện tử. Sửa chữa sản phẩm điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở); sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở)	3313
30	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: sửa chữa sản phẩm điện	3314
31	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
32	Sửa chữa thiết bị khác	3319
33	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: lắp đặt thiết bị tin học – mạng tin học; lắp đặt thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông (không hoạt động tại trụ sở)	3320
34	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Truyền tải và phân phối điện - Sản xuất điện (Trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3510
35	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
36	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
37	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3821
38	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: - Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế - Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác	3822

	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)	
39	Chi tiết: - Tái chế phế liệu kim loại - Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
40	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)	3900
41	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	4290
42	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: lắp đặt hàng điện, điện tử, lắp đặt thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở) (không hoạt động tại trụ sở)	4321
43	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (không hoạt động tại trụ sở) - Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở, lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
44	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (không hoạt động tại trụ sở)	4329
45	Hoàn thiện công trình xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4330
46	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ thuê máy móc, thiết bị xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở)	4390
47	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ sản xuất sảm lốp cao su) (không hoạt động tại trụ sở)	4520
48	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở) - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở)	4530
49	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (không hoạt động tại trụ sở)	4542

50	<p>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không hoạt động tại trụ sở) - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không hoạt động tại trụ sở) - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không hoạt động tại trụ sở) 	4543
51	<p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, dây cáp điện; mua bán thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động. Mua bán băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không hoạt động tại trụ sở) - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (không hoạt động tại trụ sở) <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>(trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</p>	4649
52	<p>Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm</p> <p>Chi tiết: Mua bán sản phẩm tin học, mua bán phần mềm tin học (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>(trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</p>	4651
53	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán thiết bị văn phòng; Mua bán phần mềm, máy móc (không hoạt động tại trụ sở) - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị bị khác dùng trong mạch điện) (không hoạt động tại trụ sở) 	4659

	<p>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>(trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</p>	
54	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>(không hoạt động tại trụ sở)</p>	4663
55	<p>Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở) <p>Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>(trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</p>	4741
56	<p>Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>(trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)</p>	4742
57	<p>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(không hoạt động tại trụ sở)</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở)</p>	4752
58	<p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, gương, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(không hoạt động tại trụ sở)</p>	4759

30/1
 Y
 N
 3H
 D
 2C

	Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở) - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở) - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở) 	
59	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh (không hoạt động tại trụ sở)	4773
60	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không hoạt động tại trụ sở) (trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải) được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết)	4791
61	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: vận tải hàng hóa thông thường (không hoạt động tại trụ sở)	4933
62	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi) (không hoạt động tại trụ sở)	5210
63	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa đường hàng không, trừ dịch vụ bốc dỡ hàng hóa đường biển) (không hoạt động tại trụ sở)	5224
64	Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm tin học (không hoạt động tại trụ sở)	5820
65	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: sản xuất phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở). (không hoạt động tại trụ sở)	5911
66	Hoạt động viễn thông có dây (trừ bán lại hạ tầng viễn thông) (không hoạt động tại trụ sở)	6110
67	Hoạt động viễn thông không dây (không hoạt động tại trụ sở)	6120
68	Hoạt động viễn thông khác	6190

	Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; Hoạt động của các đại lý internet cung cấp dịch vụ truy cập Internet cho khách hàng (không hoạt động tại trụ sở)	
69	Lập trình máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở)	6201
70	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (không hoạt động tại trụ sở)	6202
71	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm (không hoạt động tại trụ sở)	6209
72	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không hoạt động tại trụ sở)	6311
73	Công thông tin (không hoạt động tại trụ sở)	6312
74	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, Kinh doanh bất động sản (Trừ hoạt động kinh doanh đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
75	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý (không hoạt động tại trụ sở)	7020
76	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (không hoạt động tại trụ sở)	7210
77	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế trang Web (không hoạt động tại trụ sở)	7410
78	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Môi giới thương mại. Tư vấn chuyên giao công nghệ. Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin	7490
79	Cho thuê xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: - Cho thuê ô tô (không hoạt động tại trụ sở) - Cho thuê xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở)	7710
80	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở)	7721
81	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) (không hoạt động tại trụ sở)	7730

82	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (không hoạt động tại trụ sở)	7740
83	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (không hoạt động tại trụ sở)	8020
84	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (không hoạt động tại trụ sở)	8110
85	Vệ sinh chung nhà cửa (không hoạt động tại trụ sở)	8121
86	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (không hoạt động tại trụ sở)	8211
87	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu; Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (dịch vụ thuê hộp thư thoại và dịch vụ chuyển phát thư khác (trừ quản cáo thư trực tiếp)	8219
88	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (không hoạt động tại trụ sở)	8220
89	Dịch vụ đóng gói (không hoạt động tại trụ sở)	8292
90	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Đào tạo nghề (không hoạt động tại trụ sở)	8532
91	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: bảo trì thiết bị tin học – mạng tin học	9511
92	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
93	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
94	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
95	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tập trung mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, lợi ích cho cộng đồng và thu nhập cao cho người lao động. Công ty là nơi sự thành đạt, niềm tự hào của mỗi con người đồng hành với nhau và được tăng lên không ngừng. Công ty phát triển cùng sự phát triển của đất nước, thay đổi linh hoạt với nền kinh tế thế giới, tăng cường sức mạnh cạnh tranh trên nền tảng vững chắc của các nguồn lực.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của công ty là 139.164.800.000 đồng (Bằng chữ: một trăm ba mươi chín tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 13.916.480 (mười ba triệu chín trăm mười sáu nghìn bốn trăm tám mươi) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Việc giảm vốn Điều lệ của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông – Chứng nhận sở hữu cổ phần

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ hoặc thông tin liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ hoặc thông tin liên lạc.

3. Cổ đông của công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần.

5. Trường hợp chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận sở hữu cổ phần theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về chứng nhận sở hữu cổ phần đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận sở hữu cổ phần mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Các cổ phần ưu đãi có các điều kiện hạn chế về chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng khi các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng hết hiệu lực.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gởi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
 - d. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại hoặc thành viên Ban Kiểm soát như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho ba (03) người đại diện theo ủy quyền, cổ đông là cá nhân ủy quyền cho một (01) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp và không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp.

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp, biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán

thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu, thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

e. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu cử phổ thông. Phương thức bầu cử sẽ được quy định cụ thể tại Đại hội cổ đông và tuân thủ theo phương thức bầu cử phổ thông đầu phiếu. Mỗi ứng viên được bầu sẽ có số phiếu tương ứng với số lượng cổ phần mà cổ đông đã bầu nắm giữ.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

331
ON
Ó F
NG
B
YÓ

- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao



nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:

- c. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- d. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- e. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên

Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn năm (05) người, Công ty phải đảm bảo có một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập:

Đối với công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- f. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;



g. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

h. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty.

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

4. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và gửi báo cáo này đến Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị;

g. Đảm bảo việc truyền thông, liên lạc hiệu quả với các cổ đông;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác ở Việt Nam hoặc nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Mỗi tiểu ban phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy điều hành

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

h. Tuyển dụng lao động;

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

j. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

k. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp/

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty

[Trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày

31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 42 đến Điều 46 Điều lệ này].

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 của tháng Tư và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng Ba của năm liền kề.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Trách nhiệm công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin

a. Công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác.

b. Công ty thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

- Trang thông tin điện tử (website) của công ty: www.saobacdau.vn;
- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Pháp luật.

2. Nội dung công bố thông tin

Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, gồm:

- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tình hình quản trị công ty, báo cáo thường niên và các báo cáo khác theo quy định của Pháp luật;
- Công bố thông tin bất thường khi có phát sinh các sự kiện thuộc diện phải công bố thông tin bất thường theo quy định của Pháp luật;
- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết Nợ thuế;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty.
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu nhất trí thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc tối thiểu một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổng giám đốc

Nguyễn Đức Quang

Nguyễn Xuân Trường



Số: 04/2026/TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét, thông qua việc:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Phụ lục 02 đính kèm).
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty và Người đại diện theo pháp luật ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty chính thức sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và hoàn tất các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC QUANG

PHỤ LỤC 2: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ
1	<p>Khoản 1,2 Điều 4</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty. b) Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty. c) Quyết định mức cổ tức thanh toán hằng năm của mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị. d) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán. e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại. g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban Kiểm soát. h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty. i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý. j) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty. k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm 	<p>Điều 4</p> <p>Thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện chi tiết theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.</p>	<p>Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 15 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>soát.</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>o) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>p) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.</p> <p>q) Quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, các Quy chế của Công ty và quy định của pháp luật.</p>		
2	<p>Khoản 2,3 Điều 5</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.</p>	<p>Khoản 2,3 Điều 5</p> <p>2. Trình tự, thủ tục chuẩn bị chương trình, nội dung, danh sách cổ đông có quyền dự họp; thời hạn, phương thức gửi thông báo mời họp và đăng tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo đúng thời hạn và quy định chi tiết tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành</p>	<p>Điều 18, Điều 19 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.</p> <p>e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp.</p> <p>f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các Cổ đông, và/hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thì thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>c) Phiếu biểu quyết.</p> <p>d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>		
3	<p>Khoản 4 Điều 6</p> <p>4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Khoản 4 Điều 6</p> <p>4. Việc ủy quyền tham dự họp và thực hiện quyền dự họp của cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 16 Điều lệ</p>	<p>Điều 16 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Công ty. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi thuộc các trường hợp quy định tại Điều lệ và quy trình bổ sung (nếu có).</p>	
4	<p>Điểm b, c Khoản 2 Điều 7</p> <p>b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.</p>	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 7</p> <p>b) Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ các lần được thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Công ty.</p> <p>c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.</p>	<p>Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 và Điều 19 Điều lệ sửa đổi 2026</p>
5	<p>Khoản 1, 2 Điều 9</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p>	<p>Khoản 1, 2 Điều 9</p> <p>Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 21 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>		
<p>6</p>	<p>Điều 10</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến.</p> <p>c) Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông.</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối</p>	<p>Điều 10</p> <p>Trình tự, thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 148, Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 22 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

với từng vấn đề lấy ý kiến.

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax, hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

	<p>e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>f) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>6. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>		
7	<p>Điều 11</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản, và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp.</p> <p>d) Họ tên chủ tọa và thư ký.</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 11</p> <p>Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản bằng tiếng Việt (và tiếng nước ngoài nếu cần thiết) theo đúng trình tự, thủ tục và đầy đủ các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải được hoàn thành và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp (hoặc người ký tên) chịu trách nhiệm liên đới về tính</p>	<p>Điều 23 Điều lệ sửa đổi 2026 và Luật Doanh nghiệp 2020</p>

	<p>đồng về từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết và Cổ đông dự họp.</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>i) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự ký và có đầy đủ nội dung quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	<p>trung thực, chính xác của biên bản theo quy định</p>	
8	<p>Khoản 2 Điều 12</p> <p>2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử Công ty về quy chế tổ chức họp và biểu quyết chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp với các nội dung cơ bản sau:</p> <p>a) Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành cuộc họp.</p> <p>b) Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để</p>	<p>Khoản 2 Điều 12</p> <p>2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức trực tuyến hoặc điện tử, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp và biểu quyết chậm nhất là 21 ngày trước ngày</p>	<p>Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 18, Điều 19 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

<p>Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp.</p> <p>c) Quy định về cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu.</p> <p>d) Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>khai mạc cuộc họp với các nguyên tắc xử lý cụ thể sau:</p> <p>a) Cách thức xác thực tư cách cổ đông tham dự họp: Sử dụng các giải pháp công nghệ như định danh điện tử (eKYC), mã truy cập cá nhân (PIN/OTP) được gửi qua số điện thoại/email đã đăng ký hoặc chữ ký số để xác định chính xác tư cách cổ đông tham dự.</p> <p>b) Xử lý các sự cố kỹ thuật hoặc lỗi hệ thống: Bố trí hạ tầng công nghệ dự phòng và đội ngũ kỹ thuật hỗ trợ liên tục. Quy định rõ thẩm quyền của Chủ tọa trong việc tạm dừng cuộc họp (không quá một khoảng thời gian nhất định, ví dụ: 30–60 phút) để khắc phục sự cố hệ thống trước khi quyết định tiếp tục hoặc hoãn họp.</p> <p>c) Trường hợp cổ đông bị gián đoạn hoặc mất kết nối trong quá trình họp: Hệ thống phải có cơ chế ghi nhận trạng thái kết nối của cổ đông. Trường hợp lỗi đường truyền từ phía cổ đông, cuộc họp và việc biểu quyết của các cổ đông khác vẫn được tiến hành hợp lệ. Cổ đông bị mất kết nối vẫn có quyền biểu quyết đối với các nội dung chưa đóng cổng bỏ phiếu</p>	
--	---	--

		<p>điện tử sau khi kết nối lại thành công.</p> <p>d) Thời điểm ghi nhận và xác nhận kết quả biểu quyết: Hệ thống bỏ phiếu điện tử phải tự động khóa chức năng biểu quyết ngay khi hết thời gian quy định cho từng nội dung hoặc khi Chủ tọa tuyên bố đóng công biểu quyết. Kết quả biểu quyết điện tử được hệ thống trích xuất, ghi nhận thời gian thực và được Ban kiểm phiếu xác nhận lập biên bản ngay tại cuộc họp.</p>	
9	<p>Điều 14</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại. c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác. d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty. e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật 	<p>Điều 14</p> <p>Hội đồng quản trị thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ được quy định cụ thể tại Điều 27 Điều lệ Công ty</p>	<p>Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 27 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

<p>Doanh nghiệp.</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.</p> <p>g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp được quy định tại các điểm n, o, p khoản 2 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc, quyết định lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc.</p> <p>j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng.</p> <p>k) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó.</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể; yêu cầu phá sản Công ty.</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về</p>		
---	--	--

	<p>quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.</p> <p>r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
10	<p>Khoản 3 Điều 15</p> <p>3. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải bảo đảm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có đủ số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam và không nhất thiết phải là Cổ đông Công ty.</p>	<p>Khoản 3 Điều 15</p> <p>3. Cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT không điều hành và thành viên độc lập tuân thủ quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Khoản 79 Nghị định 245/2025/NĐ-CP và Điều 26 Điều lệ sửa đổi 2026</p>
11	<p>Điểm a, b Khoản 1 Điều 16</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; và</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điểm a, b Khoản 1 Điều 16</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.</p>	<p>Điều lệ sửa đổi 2026</p>

12	<p>Điều 17</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị cơ bản gồm: <ol style="list-style-type: none"> Đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai. Bản sao căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác có công chứng của ứng cử viên. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty và pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được gửi đến Công ty theo thông báo liên quan. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị. Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc công bố thông tin các ứng cử viên được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty. 	<p>Điều 17</p> <p>Quyền đề cử, ứng cử và hồ sơ, thủ tục ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 115, Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 25 Điều lệ sửa đổi 2026</p>
13	<p>Khoản 1 Điều 18</p> <ol style="list-style-type: none"> Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín theo phương thức bầu cử phổ thông. Phương thức bầu cử sẽ được quy định cụ thể tại 	<p>Khoản 1 Điều 18</p> <p>Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 20</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020, Luật số 76/2025/QH15 và Điều 20 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ theo phương thức phổ thông đầu phiếu. Mỗi ứng viên được bầu sẽ có số phiếu tương ứng với số lượng cổ phần mà Cổ đông đã bầu nắm giữ. Ứng viên trúng cử là ứng viên có số phiếu bầu cao nhất từ trên xuống cho đến khi đủ số lượng quy định nhưng phải đạt ít nhất 65% tổng số cổ phần của các Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử.</p>	
14	<p>Khoản 1,2,3 Điều 19</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị bị rối loạn tâm thần và có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>c) Hội đồng quản trị xét thấy thành viên đó không đóng góp hiệu quả cho hoạt động của Hội đồng quản trị và Công ty, nhưng không chịu từ chức.</p> <p>d) Hội đồng quản trị xét thấy thành viên đó mất uy tín với Công ty và xã hội, làm thiệt hại cho uy tín Công ty, hoặc làm thiệt hại về vật chất, tiền bạc cho Công ty.</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Trước khi kiến nghị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo một trong các trường hợp tại điểm c và điểm d khoản này, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp đánh giá mức độ hoàn thành công việc và/hoặc mức độ gây ảnh hưởng đến Công ty, và phải được tối thiểu 2/3 số phiếu tán thành việc bãi nhiệm</p>	<p>Khoản 1,2,3 Điều 19</p> <p>1. Căn cứ, thẩm quyền và quy trình thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị được áp dụng đồng bộ theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 25, Điều 26 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>thành viên Hội đồng quản trị đó. Việc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế này, Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>		
15	<p>Điều 21</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. f) Đảm bảo trao đổi thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và rõ ràng với các thành viên Hội đồng quản trị. g) Bảo đảm việc truyền thông, hiệu quả với các Cổ đông. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm 	<p>Điều 21</p> <p>Tiêu chuẩn, thủ tục bầu, miễn nhiệm và quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 29 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

16	<p>Điều 22</p> <p>1. Họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cuộc họp định kỳ</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị. 	<p>Điều 22</p> <p>Trình tự, thủ tục triệu tập, điều kiện tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 157, Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 30 Điều lệ sửa đổi 2026</p>
----	---	---	--

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và trong trường hợp đó, người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Địa điểm họp

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp

a) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải có đầy đủ thông tin về thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có các tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

b) Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

<p>7. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi như tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none">Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này.Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo hình thức này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, thì địa điểm họp là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>11. Biểu quyết</p>		
---	--	--

- a) Trừ trường hợp tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó (nếu thành viên đó có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch đó). Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

12. Hợp và ban hành nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- a) Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản (“văn bản” được hiểu là văn bản giấy hoặc văn bản điện tử dưới dạng thư điện tử hoặc bất kỳ hình thức nào có thể xác thực, ghi chép và lưu trữ lại được) vào bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời tổ chức việc kiểm phiếu. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: các vấn đề cần lấy ý kiến; phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; thời hạn phải gửi trả lời về Hội đồng quản trị Công ty.
- c) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

13. Trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định theo ý kiến tán thành của đa số bán thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%), kể cả hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

	<p>14. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>		
17	<p>Điều 23</p> <p>a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo Điều 36 Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 23</p> <p>Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 115, Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 36 Điều lệ sửa đổi 2026</p>
18	<p>Điều 26</p> <p>1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người quản lý phải cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Các thông tin và tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được</p>	<p>Điều 26</p> <p>Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.</p>	<p>Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 39 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật liên quan và Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia vào các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>		
19	<p>Điều 29</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm đảm nhận chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty (bao gồm: đại diện Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty...) mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. b) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua. 	<p>Điều 29</p> <p>1. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm cũng như nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020, pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều 35 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức của Công ty.</p> <p>e) Kiến nghị việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng.</p> <p>f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng.</p> <p>g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và những người giữ chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.</p> <p>h) Tuyển dụng lao động.</p> <p>i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.</p> <p>j) Đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp: (i) xử lý các tình huống khẩn cấp mà vượt quá thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, hoặc (ii) các trường hợp khác mà Tổng giám đốc thấy cần thiết.</p> <p>4. Hằng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.</p>		
20	<p>Điều 30</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông.</p>	<p>Điều 30</p> <p>Quy trình bổ nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 167 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 32 Điều lệ sửa đổi 2026</p>

	<ul style="list-style-type: none"> b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. d) Tham dự các cuộc họp. e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật. f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty. h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 		
21	<p>Khoản 1 Điều 35 1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 07 năm 2024. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành Quy chế.</p>	<p>Khoản 1 Điều 35 1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 07 năm 2026. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành Quy chế.</p>	<p>Cập nhật hiệu lực Quy chế</p>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO



**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
ĐIỀU 1. Ý NGHĨA VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH	3
ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỬ VIẾT TẮT	3
ĐIỀU 3. NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY	4
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
ĐIỀU 5. TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP, MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
ĐIỀU 6. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
ĐIỀU 7. CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ THAM DỰ VÀ ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
ĐIỀU 8. CÁC THỨC BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU, THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU	6
ĐIỀU 9. ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA	6
ĐIỀU 10. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
ĐIỀU 11. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
ĐIỀU 12. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN HOẶC ĐIỆN TỬ	7
ĐIỀU 13. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
ĐIỀU 15. SỐ LƯỢNG VÀ NHIỆM KỶ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
ĐIỀU 16. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 17. ĐỀ CỬ VÀ ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 18. CÁCH THỨC BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 19. MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 20. THÔNG BÁO VỀ BẦU, MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 21. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
ĐIỀU 22. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	9
ĐIỀU 23. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀ BỔ NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	9
ĐIỀU 24. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	9
ĐIỀU 25. THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT	9
ĐIỀU 26. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	9
ĐIỀU 27. MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	9
ĐIỀU 28. CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	10
ĐIỀU 29. TỔNG GIÁM ĐỐC	10
ĐIỀU 30. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	10
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH	10
ĐIỀU 31. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	10
ĐIỀU 32. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	11
ĐIỀU 33. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	11
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
ĐIỀU 34. XỬ LÝ VI PHẠM	11
ĐIỀU 35. HIỆU LỰC THI HÀNH	11
ĐIỀU 36. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	11

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế quản trị Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (“Quy Chế”) này được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty đại chúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; quy định về thẩm quyền, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động và thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của công ty.
3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a) “Quản trị Công ty” để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.
 - b) “Công ty” hoặc “SBD” là Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu.
 - c) “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.
 - d) “Đại hội đồng cổ đông” (ĐHĐCD) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của SBD.
 - e) “Hội đồng quản trị” (HĐQT) là cơ quan quản lý SBD, có toàn quyền nhân danh SBD để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SBD đối với các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - f) “Ban kiểm soát” (BKS) là cơ quan được thành lập bởi Đại hội đồng cổ đông, chịu trách nhiệm giám sát HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành mọi hoạt động của SBD, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 - g) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - h) “Ban điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
 - i) “Cổ đông lớn” có nghĩa là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
 - j) “Người có liên quan” có nghĩa là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - k) “Đại diện theo ủy quyền” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - l) “Người được ủy quyền dự họp” là cá nhân hoặc tổ chức được Cổ đông, hoặc Đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều lệ hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy Chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng đến nội dung của Quy chế.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.
2. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
5. Đảm bảo không xung đột quyền lợi với những người có liên quan đến Công ty.
6. Minh bạch trong hoạt động của Công ty.
7. HĐQT định hướng và giám sát; BKS kiểm soát Công ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện chi tiết theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục chuẩn bị chương trình, nội dung, danh sách cổ đông có quyền dự họp; thời hạn, phương thức gửi thông báo mời họp và đăng tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo đúng thời hạn và quy định chi tiết tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được thể hiện bằng văn bản và gửi đến Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này.
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp được quy định tại khoản 5 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận.

Điều 6. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp thông qua một trong các hình thức được quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp được cử dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi Người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết là Cổ đông của Công ty.
2. Việc ủy quyền cho các nhân, tổ chức đại diện dự họp phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ: tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân/tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Việc ủy quyền tham dự họp và thực hiện quyền dự họp của cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi thuộc các trường hợp quy định tại Điều lệ và quy trình bổ sung (nếu có).
5. Phiếu biểu quyết của Người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người được thực hiện việc ủy quyền.

Quy định tại khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
 - a) Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - b) Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo giấy tờ được quy định tại giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông báo của Công ty để xác nhận tư cách Cổ đông.
 - c) Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay, có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước khi Cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
2. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- b) Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ các lần được thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Công ty.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 8. Các thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Cách thức biểu quyết

- a) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên Đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó.
- b) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

- a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- b) Ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ban kiểm phiếu tiến hành thu số thẻ biểu quyết tán thành trước, số thẻ biểu quyết không tán thành được thu sau, cuối cùng đếm tổng số thẻ biểu quyết tán thành hoặc không tán thành để quyết định.
- c) Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất.

Điều 9. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua

1. Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản bằng tiếng Việt (và tiếng nước ngoài nếu

cần thiết) theo đúng trình tự, thủ tục và đầy đủ các nội dung chủ yếu quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải được hoàn thành và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp (hoặc người ký tên) chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của biên bản theo quy định.

2. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử

1. Ngoài hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng (bao gồm nhưng không giới hạn: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...) và/hoặc các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện, không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.
2. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức trực tuyến hoặc điện tử, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp và biểu quyết chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp với các nguyên tắc xử lý cụ thể sau:
 - a) Cách thức xác thực tư cách cổ đông tham dự họp: Sử dụng các giải pháp công nghệ như định danh điện tử (eKYC), mã truy cập cá nhân (PIN/OTP) được gửi qua số điện thoại/email đã đăng ký hoặc chữ ký số để xác định chính xác tư cách cổ đông tham dự.
 - b) Xử lý các sự cố kỹ thuật hoặc lỗi hệ thống: Bố trí hạ tầng công nghệ dự phòng và đội ngũ kỹ thuật hỗ trợ liên tục. Quy định rõ thẩm quyền của Chủ tọa trong việc tạm dừng cuộc họp (không quá một khoảng thời gian nhất định, ví dụ: 30–60 phút) để khắc phục sự cố hệ thống trước khi quyết định tiếp tục hoặc hoãn họp.
 - c) Trường hợp cổ đông bị gián đoạn hoặc mất kết nối trong quá trình họp: Hệ thống phải có cơ chế ghi nhận trạng thái kết nối của cổ đông. Trường hợp lỗi đường truyền từ phía cổ đông, cuộc họp và việc biểu quyết của các cổ đông khác vẫn được tiến hành hợp lệ. Cổ đông bị mất kết nối vẫn có quyền biểu quyết đối với các nội dung chưa đóng cổng bỏ phiếu điện tử sau khi kết nối lại thành công.
 - d) Thời điểm ghi nhận và xác nhận kết quả biểu quyết: Hệ thống bỏ phiếu điện tử phải tự động khóa chức năng biểu quyết ngay khi hết thời gian quy định cho từng nội dung hoặc khi Chủ tọa tuyên bố đóng cổng biểu quyết. Kết quả biểu quyết điện tử được hệ thống trích xuất, ghi nhận thời gian thực và được Ban kiểm phiếu xác nhận lập biên bản ngay tại cuộc họp.

Điều 13. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ theo các điều kiện và thời hạn quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ được quy định cụ thể tại Điều 27 Điều lệ Công ty

Điều 15. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, tuy nhiên một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Cơ cấu, số lượng thành viên HĐQT không điều hành và thành viên độc lập tuân thủ quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 17. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Quyền đề cử, ứng cử và hồ sơ, thủ tục ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử.
2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

Điều 19. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Căn cứ, thẩm quyền và quy trình thực hiện việc miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị được áp dụng đồng bộ theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này; hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không còn đủ tỷ lệ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.
 - b) Trừ trường hợp được quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tiêu chuẩn, thủ tục bầu, miễn nhiệm và quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo quy

định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Trình tự, thủ tục triệu tập, điều kiện tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Ứng cử, đề cử và bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 25. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người.
2. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
3. Ban Kiểm soát phải bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Ban Kiểm soát.
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát.
 - d) Thành viên Ban Kiểm soát bị rối loạn tâm thần và có bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - e) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

trong trường hợp sau:

- a) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật.
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban Kiểm soát đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 28. Công bố thông tin

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 29. Tổng giám đốc

1. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm cũng như nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

Quy trình bổ nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 31. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm bảo đảm mọi hoạt động quản trị, điều hành Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.
2. Nguyên tắc phối hợp thực hiện các quyền, nghĩa vụ giữa công tác quản trị, điều hành và công tác kiểm soát được phân công rõ ràng, có sự phối hợp đồng bộ nhưng phân biệt rõ ràng chức năng, trách nhiệm của các vị trí.
3. Cách thức phối hợp
 - a) Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động quản trị điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, trong quá trình quản trị điều hành nhằm bảo đảm Ban Kiểm soát có đủ thông tin cần thiết để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện nội dung không phù hợp để Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh kịp thời.
 - b) Ban Kiểm soát tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực.

Điều 32. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách. Ban Điều hành dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với quy định pháp luật thì Ban Điều hành báo cáo Hội đồng quản trị để điều chỉnh nghị quyết, quyết định đó cho phù hợp.
2. Hội đồng quản trị có thể mời Ban Điều hành tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị để kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
3. Hằng quý, sáu tháng và hằng năm, Ban Điều hành báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, kiến nghị những vấn đề cần được Hội đồng quản trị giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới.
4. Tổng giám đốc chủ động gặp gỡ, cập nhật thông tin về tình hình kinh doanh, báo cáo những khó khăn vướng mắc với Hội đồng quản trị và đề xuất phương án giải quyết. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tôn trọng và lắng nghe các ý kiến của Tổng giám đốc, triệu tập họp Hội đồng quản trị (nếu cần) để xem xét, quyết định phương án giải quyết khó khăn vướng mắc của Công ty, tạo điều kiện tối đa cho Tổng giám đốc và Ban Điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
5. Hội đồng quản trị thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

1. Ban Điều hành chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Điều hành cung cấp các thông tin liên quan đến việc thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty để phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát. Đồng thời, Ban Kiểm soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp pháp trong việc ra quyết định của Ban Điều hành và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Điều hành.
3. Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động của Ban Điều hành, Ban Kiểm soát thông báo cho Ban Điều hành, yêu cầu Ban Điều hành điều chỉnh những điểm không phù hợp đó.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Xử lý vi phạm

Bất kỳ cá nhân nào vi phạm Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật và quy định của Công ty tùy vào mức độ và tính chất vi phạm. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại thì cá nhân vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty, Cổ đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 07 năm 2026. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành Quy chế.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế (các) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành trước đây.
3. Những nội dung chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định của Điều lệ Công ty, quy định pháp luật hiện hành và các quy chế khác có liên quan.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tuân thủ và tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC QUANG

12

Số: 05/2026/TTr-ĐHĐCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu.

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) xem xét, thông qua việc:

1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Phụ lục 03 đính kèm).
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty và Người đại diện theo pháp luật ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty chính thức sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và hoàn tất các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC QUANG

PHỤ LỤC 3: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

STT	Nội dung quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung quy định tại Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ
1	<p>Khoản 3 Điều 3</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị</p>	<p>Khoản 3 Điều 3</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty</p>	<p>Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty sửa đổi 2026 và Khoản 82 Nghị định 245/2025/NĐ-CP</p>
2	<p>Khoản 1 Điều 6</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p>	<p>Khoản 1 Điều 6</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 25 Điều lệ Công ty sửa đổi 2026</p>
	<p>Khoản 2 Điều 6</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội</p>	<p>Khoản 2 Điều 6</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>Chuẩn hóa quy định và cập nhật theo Điều lệ sửa đổi.</p>

3	<p>đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p>		
4	<p>Khoản 3 Điều 6</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	<p>Khoản 3 Điều 6</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; đồng thời đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty sửa đổi 2026</p>
5	<p>Khoản 4 Điều 6</p> <p>4. Chưa có</p>	<p>Khoản 4 Điều 6</p> <p>4. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp</p>	<p>Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty sửa đổi 2026 và Khoản 79</p>

11/30/2024 10:10 AM

		luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
6	<p>Khoản 1,2,3,4 Điều 8</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không</p>	<p>Điều 8</p> <p>Thẩm quyền, căn cứ và quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điều 25, Điều 26 Điều lệ Công ty sửa đổi 2026</p>

31
DN
SP
IG
B/
10

	<p>bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>		
7	<p>Điểm a Khoản 1 Điều 9</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điểm a Khoản 1 Điều 9</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông tham dự và biểu quyết biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông</p>	Cập nhật theo Điều lệ sửa đổi
8	<p>Khoản 2 Điều 9</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 2 Điều 9</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên không đủ, việc giới thiệu thêm ứng cử viên của Hội đồng quản trị đương nhiệm và nguyên tắc bỏ phiếu bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 và Điều lệ Công ty sửa đổi 2026
9	<p>Khoản 3 Điều 9</p> <p>3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu cử phổ thông. Phương thức bầu cử sẽ được quy định cụ thể tại Đại hội cổ đông và tuân thủ theo phương thức bầu cử phổ thông đầu phiếu. Mỗi ứng viên được bầu sẽ có số phiếu tương</p>	<p>Khoản 3 Điều 9</p> <p>3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu kín theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	Điều lệ Công ty sửa đổi 2026 và Quy chế bầu cử

	ứng với số lượng cổ phần mà cổ đông đã bầu nắm giữ.		
10	<p>Khoản 4 Điều 9</p> <p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.</p>	Khoản 4 Điều 9	Bỏ Khoản 4 do đã cập nhật vào chung Khoản 2 Điều 9
11	<p>Điều 12</p> <p>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. <p>2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi</p>	<p>Điều 12</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền theo quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục thông báo, gửi dự thảo và việc hạn chế quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp</p>	Khoản 1 và Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty sửa đổi 2026; Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020

	<p>ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>		
12	<p>Khoản 2 Điều 19</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>	<p>Khoản 2 Điều 19</p> <p>2. Cơ chế xử lý xung đột lợi ích đối với các nội dung, hợp đồng hoặc giao dịch được trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định:</p> <p>a) Về việc tham gia thảo luận: Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không được tham gia thảo luận tại cuộc họp về các nội dung có xung đột lợi ích, trừ khi có yêu cầu giải trình từ Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Về quyền tiếp cận tài liệu: Đối với các nội dung, hồ sơ, phương án kinh doanh có xung đột lợi ích trực tiếp, thành viên có lợi ích liên quan sẽ bị hạn chế quyền tiếp cận tài liệu mật hoặc thông tin chi tiết liên quan đến việc định giá, đàm phán giao dịch đó nhằm bảo đảm an toàn thông tin của Công ty.</p> <p>c) Về trách nhiệm biểu quyết: Thành viên có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết và không được tính vào số phiếu biểu quyết để xác định tỷ lệ thông qua đối với các vấn đề, nghị quyết đó.</p> <p>d) Biện pháp bảo đảm tính khách quan và minh bạch: Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị (không bao gồm thành viên có lợi ích liên quan) có quyền chỉ định một đơn vị tư vấn độc lập để đánh giá tính công bằng của giao dịch hoặc thành lập Tiểu ban độc lập tạm thời để thẩm định trước khi quyết định.</p>	<p>Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định về kiểm soát giao dịch xung đột lợi ích tại Điều lệ Công ty sửa đổi 2026</p>



Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 07 năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2026/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 07 năm 2026.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (mã CK: SBD) bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số quá bán đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế do Công ty ban hành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị



1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Không được lợi dụng vị trí, quyền hạn hay thông tin mình biết được để vụ lợi cho cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình.

g) Tránh xung đột lợi ích giữa lợi ích công ty và lợi ích cá nhân mình hay người có liên quan của mình. Trong trường hợp có nguy cơ xung đột lợi ích hoặc xảy ra xung đột lợi ích hoặc nghi ngờ xảy ra xung đột lợi ích, Thành viên có trách nhiệm ngay lập tức thông báo về xung đột đó đến các Thành viên khác của HĐQT.

h) Tuân thủ các quy định về Hệ thống quản lý tuân thủ (Compliance Management Systems – CMS) do Công ty ban hành nhằm bảo đảm kinh doanh liêm chính, minh bạch, có đạo đức.

i) Tham gia đầy đủ các buổi đào tạo về CMS, ký kết xác nhận thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử (Code of Conduct) theo đúng quy định của Công ty.

k) Các Thành viên đồng ý rằng, nếu vi phạm bất kỳ quy định nào về CMS thì Thành viên sẽ tự từ chức Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời chịu tất cả các trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật. Việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 05 đến 11 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.



4. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và pháp luật về quản trị công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; việc thông báo trường hợp bầu bổ sung hoặc thay thế được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị

Thẩm quyền, căn cứ và quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông tham dự và biểu quyết biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên không đủ, việc giới thiệu thêm ứng cử viên của Hội đồng quản trị đương nhiệm và nguyên tắc bỏ phiếu bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu kín theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty.
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

331
ÔN
ỚP
NG
BÁ
ỚT

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 27 Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền theo quy định cụ thể tại Khoản 1 Điều 27 Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục thông báo, gửi dự thảo và việc hạn chế quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 30 Điều lệ công ty.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc giúp việc cho Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Ngoài các nội dung quy định về cuộc họp HĐQT tại Điều 30 Điều lệ công ty, HĐQT sẽ xem xét báo cáo việc thực hiện hệ thống quản lý tuân thủ (CMS) của Công ty và các đề xuất cải thiện (nếu có).

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản đầy đủ theo đúng hình thức, nội dung và thủ tục lưu trữ quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, biên bản có thể ghi âm hoặc lưu giữ dưới các hình thức điện tử khác theo quyết định của HĐQT.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập, gửi Ban Kiểm soát thẩm định và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các báo cáo hằng năm theo đúng danh mục, trình tự và thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định Pháp luật liên quan.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm kê khai và thông báo kịp thời cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình theo đúng nội dung, trình tự và thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

2. Cơ chế xử lý xung đột lợi ích đối với các nội dung, hợp đồng hoặc giao dịch được trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định:

a) **Về việc tham gia thảo luận:** Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không được tham gia thảo luận tại cuộc họp về các nội dung có xung đột lợi ích, trừ khi có yêu cầu giải trình từ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) **Về quyền tiếp cận tài liệu:** Đối với các nội dung, hồ sơ, phương án kinh doanh có xung đột lợi ích trực tiếp, thành viên có lợi ích liên quan sẽ bị hạn chế quyền tiếp cận tài liệu mật hoặc thông tin chi tiết liên quan đến việc định giá, đàm phán giao dịch đó nhằm bảo đảm an toàn thông tin của Công ty.

c) **Về trách nhiệm biểu quyết:** Thành viên có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết và không được tính vào số phiếu biểu quyết để xác định tỷ lệ thông qua đối với các vấn đề, nghị quyết đó.

d) **Biện pháp bảo đảm tính khách quan và minh bạch:** Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị (không bao gồm thành viên có lợi ích liên quan) có quyền chỉ định một đơn vị tư vấn độc lập để đánh giá tính công bằng của giao dịch hoặc thành lập Tiểu ban độc lập tạm thời để thẩm định trước khi quyết định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (SBD) bao gồm 7 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ĐỨC QUANG



Số: 01/2026/BCĐHCD-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2026

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (SBD)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu.

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (“Công ty”, “SBD”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. BÁO CÁO HDQT NĂM 2025

1. Nhân sự HDQT nhiệm kỳ 2022-2027

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Đức Quang | Chủ tịch HDQT |
| - Ông Đỗ Văn Hào | Phó chủ tịch HDQT |
| - Ông Nguyễn Việt Thắng | Phó chủ tịch HDQT |
| - Ông Nguyễn Xuân Trường | Thành viên HDQT |
| - Ông Nguyễn Hồng Minh | Thành viên HDQT |
| - Ông Đặng Nam Sơn | Thành viên HDQT |
| - Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa | Thành viên HDQT. |

2. Tổng kết các cuộc họp HDQT

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 19 cuộc họp bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến nhằm xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, công tác quản trị điều hành, phê duyệt các kế hoạch, chính sách, hợp đồng, giao dịch quan trọng cũng như các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



Các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành trên cơ sở thống nhất cao giữa các thành viên, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

- Năm 2025, trong bối cảnh thị trường công nghệ thông tin còn nhiều biến động, Công ty duy trì hoạt động ổn định, tăng trưởng chất lượng và kiểm soát hiệu quả chi phí.
- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 918,90 tỷ đồng, tăng 33,75% so với mức thực hiện năm 2024 là 687,0 tỷ đồng và đạt 110,56% kế hoạch năm được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 đạt 11,04 tỷ đồng, tăng 169,27% so với mức thực hiện năm 2024 là 4,1 tỷ đồng và đạt 169,85% kế hoạch năm được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được hoàn thành và vượt kế hoạch, phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành và phát triển thị trường.
- Kết quả đạt được góp phần củng cố nền tảng tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

4. Hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác quản trị doanh nghiệp

- **Triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ:** HĐQT đã triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng thẩm quyền các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và định hướng phát triển đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- **Hoạt động quản trị và điều hành:** Trong năm 2025, HĐQT tập trung nâng cao hiệu quả quản trị và hỗ trợ hoạt động của Công ty thông qua việc phối hợp kiểm toán Báo cáo tài chính (“BCTC”), tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo quy định, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, đồng thời đồng hành cùng Ban Điều hành trong phát triển thị trường, khách hàng chiến lược và tăng cường kiểm soát tài chính, công nợ và rủi ro.
- **Đổi mới nhận diện thương hiệu:** Nhằm chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng mới, Công ty đã chính thức ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu với logo “SBD” và định vị chiến lược “Shaping Better Digital” hiện đại, hướng tới mục tiêu hội nhập quốc tế. Sự thay đổi này đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, kết nối hài hòa các giá trị cốt lõi: Con người – Trí tuệ nhân tạo – Công cụ số, đồng thời khẳng định vai trò của SBD như một cầu nối vững chắc giúp kiến tạo giá trị và thúc đẩy hành trình chuyển đổi số của khách hàng, đối tác.
- **Hệ thống quản trị tuân thủ (CMS):** Tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống CMS, phối hợp với Ban Điều hành và tư vấn quốc tế nhằm tăng cường tính minh bạch, chuẩn hóa quy trình quản trị, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ và tuân thủ trong toàn hệ thống.
- **Vốn điều lệ:** Tính đến ngày 31/03/2026, vốn điều lệ của Công ty là 139.164.800.000 đồng, tương ứng với 13.916.480 cổ phiếu đang lưu hành.
- **Trách nhiệm môi trường và xã hội:** Trong năm 2025, SBD tiếp tục định hướng phát triển bền vững, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với trách nhiệm đối với môi trường, người lao động và cộng đồng xã hội. Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan, đồng thời chú trọng xây dựng môi trường làm việc tích cực, hài hòa và an toàn cho người lao động, góp phần tạo ra giá trị lâu dài và bền vững cho xã hội. Công tác phối hợp với KCX Tân Thuận và Công đoàn KCX Tân Thuận được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ.

5. Tình hình chi phí hoạt động HĐQT năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện chi tiêu trong phạm vi ngân sách được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty:

- o Ngân sách được phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2024: 4,64 tỷ đồng
- o Thực chi trong năm: 4,26 tỷ đồng
- o Còn lại khoảng 380 triệu đồng

6. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn và cạnh tranh cao. Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai các giải pháp thích ứng với biến động thị trường, tăng cường quản trị

31918
NG T
PHÁP
NG
BẮC
10 HỒ

vận hành, kiểm soát chi phí, duy trì ổn định hoạt động kinh doanh và từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Điều hành đã góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty được vận hành ổn định, minh bạch và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Định hướng của Hội đồng Quản trị

1.1 Kế hoạch quản trị và kinh doanh

- Phát triển kinh doanh:** Hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2026, cùng cố thị trường truyền thống, mở rộng khách hàng chiến lược, tăng cường hợp tác công nghệ, mở rộng lĩnh vực kinh doanh và tối ưu hiệu quả vận hành toàn hệ thống.
- Quản trị tài chính và rủi ro:** Tăng cường quản lý dòng tiền và công nợ, đẩy mạnh thu hồi công nợ tồn đọng, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, đảm bảo tuân thủ pháp luật và chuẩn mực công ty đại chúng.

1.2 Văn hoá doanh nghiệp: HĐQT tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa doanh nghiệp được xây dựng trong suốt chặng đường 30 năm phát triển của SBD, hướng tới môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và đổi mới.

1.3 Nguồn nhân lực: Tăng cường đào tạo và phát triển nhân sự, xây dựng đội ngũ kế thừa, trẻ hóa bộ máy quản lý, đồng thời thu hút và giữ chân nhân tài.

1.4 Khoa học công nghệ: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin, hạ tầng số, an ninh mạng nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

2. Ngân sách HĐQT năm tài chính 2026

- HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua ngân sách hoạt động năm 2026, bao gồm thù lao các thành viên HĐQT, chi phí vận hành Văn phòng HĐQT, chi phí tổ chức các cuộc họp, hội nghị, chi phí thuê tư vấn và các khoản chi liên quan khác.
- **Tổng ngân sách hoạt động dự kiến không vượt quá 5,1 tỷ đồng.**

III. KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP CÔNG TY

- Năm 2026 đánh dấu cột mốc 30 năm hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu. Trong suốt chặng đường phát triển, Công ty đã từng bước khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại Việt Nam.
- HĐQT ghi nhận và trân trọng sự đồng hành, tin tưởng của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã góp phần tạo dựng nền tảng phát triển bền vững cho Công ty trong suốt 30 năm qua.
- Bước sang giai đoạn phát triển mới, Công ty tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực quản trị, tăng cường sáng tạo và hướng đến phát triển bền vững, gia tăng giá trị cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC QUANG

Số: 01/2026/BCDHĐCD-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu.

Ban Kiểm soát (“BKS”) Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”) về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm tài chính 2025 và Kế hoạch hoạt động năm tài chính 2026 như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2025

1. Hoạt động giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành và bộ máy quản lý

a. Thực hiện các hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2025

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định và khi được mời tham dự.
- Soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm do bộ phận kế toán lập.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực của Công ty.
- Theo dõi việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.
- Các ý kiến của Ban Kiểm soát được chuyển đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành thông qua các báo cáo giám sát định kỳ.

b. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính

Trong năm tài chính 2025, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường trọng yếu nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BKS thống nhất với các đánh giá về tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá Công ty kiểm toán độc lập RSM đã thực hiện công việc soát xét và kiểm toán phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký với Công ty, đã phối hợp tốt với các bộ phận chuyên môn của Công ty trong công tác soát xét và kiểm toán.

c. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, ban hành các nghị quyết và quyết định phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



Hội đồng quản trị cũng đã thực hiện nhiều việc lớn liên quan đến công tác kinh doanh để trợ giúp cho Ban điều hành như: Trực tiếp tham gia vào việc phát triển quan hệ cấp cao với một số đối tác chiến lược, trực tiếp tham gia hỗ trợ một số dự án lớn của công ty.

Ban điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp kinh doanh, kiểm soát chi phí và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong bối cảnh thị trường công nghệ thông tin tiếp tục cạnh tranh gay gắt.

So với kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với doanh thu thuần hợp nhất là 831,10 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 6,50 tỷ đồng, Công ty đã vượt kế hoạch cả về doanh thu và đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, cụ thể:

Kết quả thực hiện năm 2025:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Doanh thu thuần	831,10	918,92	110,57%
Lợi nhuận sau thuế	6,50	11,04	169,85%

Kết quả này cho thấy Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Ngoài những kết quả đạt được, Ban Kiểm soát cũng đánh giá cao những nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều biến động, theo ý kiến của Ban kiểm soát, Ban lãnh đạo Công ty vẫn nên tiếp tục chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường kiểm soát chi phí, quản lý chặt chẽ công nợ, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn và cải thiện biên lợi nhuận. Đây sẽ là những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, củng cố năng lực tài chính và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong những năm tiếp theo.

2. Thẩm định báo cáo tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

Kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần	918,92	687,06	33,75%
Lợi nhuận trước thuế	15,71	10,16	54,63%
Lợi nhuận sau thuế	11,04	4,32	155,56%

Năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực so với năm 2024. Doanh thu thuần đạt 918,92 tỷ đồng, tăng 33,75%; lợi nhuận trước thuế đạt 15,71 tỷ đồng, tăng 54,63%; lợi nhuận sau thuế đạt 11,04 tỷ đồng, tăng 155,56%. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng doanh thu, cho thấy hiệu quả hoạt động và khả năng kiểm soát chi phí của Công ty đã được cải thiện trong năm 2025.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty bị ảnh hưởng lớn bởi việc trích giảm dự phòng cho một số dự án tồn đọng từ nhiều năm trước.

Tình hình tài chính tại ngày 31/03/2026

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/03/2026	Tại ngày 01/04/2025	Tăng/giảm
Tổng tài sản (tỷ đồng)	720,67	533,03	35,20%
Nợ phải trả (tỷ đồng)	555,40	378,8	46,62%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	165,27	154,23	7,16%
Hệ số nợ phải trả/VCSH (lần)	3,36	2,46	0,9 lần

Tại ngày 31/03/2026, tổng tài sản của Công ty đạt 720,67 tỷ đồng, tăng 35,20% so với đầu năm tài chính ngày 01/04/2025. Trong đó, nợ phải trả đạt 555,40 tỷ đồng, tăng 46,62%, trong khi vốn chủ sở hữu đạt 165,27 tỷ đồng, tăng 7,16%.

Cơ cấu nguồn vốn cho thấy tốc độ tăng của nợ phải trả cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu, làm cho hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu tăng từ 2,46 lần lên 3,36 lần. Điều này phản ánh nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ được đáp ứng chủ yếu từ các khoản nợ phải trả.

Việc gia tăng quy mô tài sản đã góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong kỳ. Công tác quản lý công nợ, dòng tiền đã được thực hiện tốt trong năm tài chính 2025. Tuy nhiên, Ban Kiểm soát vẫn khuyến nghị Công ty tiếp tục quản lý chặt chẽ công nợ, kiểm soát dòng tiền, cân đối cơ cấu nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhằm đảm bảo an toàn tài chính và duy trì sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

a. Nhân sự Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và nhân sự.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Thị Thúy Mai	Trưởng BKS	1.015.290	7,3%
2	Đặng Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	0	0%
3	Trần Thị Mỹ Nhị	Thành viên BKS	0	0%

b. Chi phí hoạt động Ban Kiểm soát

Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Trong năm 2025, tổng chi phí hoạt động thực tế của Ban Kiểm soát là 0,67 tỷ đồng, tương đương 67,56% mức ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 0,99 tỷ đồng (bao gồm thù lao các thành viên Ban Kiểm soát, chi phí hội họp và các chi phí liên quan khác). Việc sử dụng kinh phí được thực hiện tiết kiệm, đúng mục đích và phù hợp với phạm vi hoạt động của Ban Kiểm soát.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát và các cuộc họp theo quy định.

c. Công tác kiểm soát nội bộ và tuân thủ (CMS)

Từ Quý III năm 2025, Ban Kiểm soát đã triển khai công tác soát xét việc tuân thủ hệ thống CMS và Chính sách Liêm chính trên phạm vi toàn Group.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã triển khai các chương trình rà soát độc lập đối với Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết thông qua hoạt động kiểm tra hồ sơ, chứng từ, đối chiếu quy trình, đánh giá việc thực hiện các chính sách nội bộ và Chính sách Liêm chính của Công ty.

Kết quả rà soát cho thấy hệ thống kiểm soát và tuân thủ dù mới được thiết lập nhưng bước đầu được triển khai hiệu quả và đã bắt đầu được duy trì trên toàn Group. Lũy kế năm 2025, Ban Kiểm soát đã

thực hiện đánh giá 267 tiêu chí thực hiện trên thực tế, trong đó 266 tiêu chí đạt yêu cầu, tỷ lệ tuân thủ đạt 99,6%.

Ban Kiểm soát không ghi nhận sai phạm trọng yếu hoặc dấu hiệu vi phạm mang tính hệ thống ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, tài chính và uy tín của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá cao nỗ lực của các bộ phận liên quan của Công ty trong việc phối hợp cùng Tư vấn quốc tế độc lập, thiết lập hệ thống và đưa vào triển khai trong thực tế, và khuyến nghị Công ty tiếp tục phát huy, duy trì việc tuân thủ hệ thống theo đúng các chuẩn mực quốc tế.

Thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ và tuân thủ, Ban Kiểm soát đã góp phần nâng cao tính minh bạch, tăng cường quản trị rủi ro và củng cố văn hóa liêm chính trong toàn hệ thống.

4. Đánh giá chung của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã thực hiện chức năng quản trị, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ và tuân thủ theo hướng minh bạch, hiệu quả. Công tác quản trị rủi ro, kiểm soát tài chính và tuân thủ được tăng cường thông qua việc triển khai các hoạt động giám sát, rà soát và đánh giá định kỳ trên phạm vi toàn Group.

Ban Kiểm soát ghi nhận sự phối hợp tích cực của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các đơn vị trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác giám sát, đồng thời nghiêm túc tiếp thu và thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát.

Qua công tác giám sát và kiểm tra trong năm tài chính 2025, Ban Kiểm soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty hoặc các sai phạm trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Mục tiêu

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ trong toàn Group.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2026

- Tham gia tổ chức và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cấp quản lý trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính, quy trình nội bộ và các chính sách quản lý của Công ty.
- Thực hiện giám sát tình hình tài chính, quản lý dòng tiền, khả năng thanh toán, quản lý vốn, hiệu quả sử dụng tài sản, công nợ, ngân sách và các chỉ tiêu tài chính trọng yếu.
- Thẩm định các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm; phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.
- Xem xét các kiến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Thu thập thông tin, tiếp nhận và xử lý các ý kiến, kiến nghị của cổ đông theo thẩm quyền.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục thực hiện chức năng giám sát hệ thống Compliance Management System (CMS) và Chính sách Liêm chính trên phạm vi toàn Group; tổ chức các đợt rà soát định kỳ theo kế hoạch, theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra và đánh giá hiệu quả các biện pháp khắc phục.
- Đánh giá mức độ tuân thủ các quy trình nội bộ, quy định quản trị, cơ chế phân quyền phê duyệt và các hoạt động kiểm soát trọng yếu; kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và tuân thủ.
- Theo dõi, đánh giá việc xây dựng văn hóa liêm chính, minh bạch và tuân thủ trong toàn Group; thực hiện tổng hợp và báo cáo định kỳ tình hình tuân thủ CMS cho Hội đồng quản trị.

3. Ngân sách hoạt động năm 2026

Tổng ngân sách hoạt động dự kiến của Ban Kiểm soát năm tài chính 2026 là 1.074.376.309 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ chín đồng), tương đương 1,07 tỷ đồng. Ngân sách bao gồm thù lao các thành viên Ban Kiểm soát, chi phí kiểm tra giám sát, chi phí hội họp, đào tạo, tư vấn chuyên môn (nếu có) và các chi phí hoạt động khác theo quy định của Công ty.

Ngân sách năm 2026 được xây dựng trên cơ sở ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cho năm 2025, đồng thời xem xét nhu cầu tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và công tác tuân thủ (CMS) trên phạm vi toàn Group. Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện việc quản lý và sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với phạm vi nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



(Handwritten signature)

MAI THỊ THÚY MAI



Số: 01/BBH-DHDCD/2026

Tp.HCM, ngày ... tháng 07 năm 2026

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu
Địa chỉ trụ sở chính: Lô U.14b – 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh
Mã số doanh nghiệp: 0303191804 do Sở KHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp lại lần thứ 26 ngày 11/07/2025
Thời gian bắt đầu: ... giờ ... phút Thứ Tư, ngày 22/07/2026
Địa điểm: Tòa nhà Sao Bắc Đẩu, Lô U.14b – 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh
Thành phần tham dự: Các cổ đông, người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội và đại diện Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
Chủ tọa Đại hội: Ông Nguyễn Đức Quang – Chủ tịch HĐQT
Thư ký đại hội: Bà Lê Nguyễn Anh Uyên

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI (ĐH)

I. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

- Ông Đỗ Văn Hào, thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 1 Điều 19 Điều lệ hiện hành của Công ty (yêu cầu số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết), cụ thể như sau:
 - Tổng số cổ đông và đại diện tham dự ĐH: ... người;
 - Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết hợp pháp của các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội là: ... CP (... cổ phần), chiếm ... % (... phần trăm) tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

II. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

1. Ban tổ chức tuyên bố khai mạc Đại hội và mời ông Nguyễn Đức Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị điều khiển Đại hội
 2. Chủ tọa Đại hội đề cử Chủ tịch đoàn gồm:
 - Ông Nguyễn Đức Quang, Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Đỗ Văn Hào, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Nguyễn Việt Thắng, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Nguyễn Xuân Trường, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốcvà được 100% ĐH biểu quyết thông qua Chủ tịch đoàn
 3. Chủ tọa Đại hội đề cử Thư ký ghi Biên bản Đại hội và bầu Ban kiểm phiếu Đại hội:
Thư ký Đại hội gồm:
 - Bà Lê Nguyễn Anh Uyên, Trưởng ban
 - Bà Lê Hồng Hạnh, Thành viênBan kiểm phiếu Đại hội gồm:
 - Bà Bùi Thị Tâm Thư, Trưởng ban
 - Bà Trần Hòa Bình, Thành viên
- Biểu quyết thông qua: ĐH đã biểu quyết thông qua thành phần Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu như giới thiệu của Chủ tọa, trong đó:
 - Tán thành: 100 %; Không tán thành: 0 %; Không ý kiến: 0 %.

4. Thông qua chương trình đại hội và cách thức biểu quyết, bầu cử:

ĐH đã xem xét quy chế tổ chức ĐHDCĐ thường niên 2026, chương trình Đại hội và nghe cách thức biểu quyết. Đại hội không có đề nghị thêm và đã thống nhất với Quy chế tổ chức ĐHDCĐ, Chương trình Đại hội và cách thức biểu quyết.

- o Tán thành: 100 %; Không tán thành: 0 %; Không ý kiến :0 %

III. NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH:

- Ông Nguyễn Xuân Trường báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Ông Nguyễn Đức Quang trình bày các Tờ trình và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm tài chính 2025, kế hoạch hoạt động và ngân sách của Hội đồng quản trị năm tài chính 2026, gồm:
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2025; phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2026;
 - Tờ trình thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung.
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm tài chính 2025 và kế hoạch hoạt động, ngân sách của Hội đồng quản trị năm tài chính 2026.
- Bà Đặng Thị Thanh Hương thay mặt BKS báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc năm tài chính 2025, báo cáo về hoạt động của BKS năm 2025, kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026; Tờ trình thông qua việc lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2026.

IV. THẢO LUẬN

Dưới sự chủ trì của Chủ tọa, Đại hội đã thảo luận các vấn đề và nội dung, các Báo cáo và Tờ trình do Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội theo chương trình đã được thông qua, Đại hội không có ý kiến hoặc câu hỏi nào khác.

V. BIỂU QUYẾT

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết các nội dung của Đại hội, vào ... giờ ... phút...

- o Tổng số cổ đông và đại diện tham dự ĐH: ... người;
- o Tổng số cổ phần được quyền biểu quyết hợp pháp của các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội là: ... CP (... cổ phần), chiếm .. % (... phần trăm) tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Trên cơ sở kết quả kiểm phiếu đã được thông qua, ĐH đã thống nhất thông qua các Nội dung của ĐH, với kết quả như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
		Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Thông qua Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/03/2026						
2	Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – thành viên RSM Quốc tế làm đơn vị kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần						

0319
CÔNG
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẬU
HỒ HỒ

	Công nghệ Sao Bắc Đẩu năm TC 2026						
3	Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm TC 2025						
4	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm TC 2026						
5	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm TC 2025 và kế hoạch hoạt động, ngân sách của HĐQT năm TC 2026						
6	Thông qua Điều lệ Công ty (đã được sửa đổi, bổ sung) của Công ty và giao HĐQT tổ chức ban hành và triển khai thực hiện						
7	Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (đã được sửa đổi, bổ sung) của Công ty và giao HĐQT tổ chức ban hành và triển khai thực hiện						
8	Thông qua Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị (đã được sửa đổi, bổ sung) của Công ty và giao HĐQT tổ chức ban hành và triển khai thực hiện						
9	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm TC 2025 và Kế hoạch hoạt động, ngân sách của BKS năm TC 2026						

VI. Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Ông Nguyễn Đức Quang, Chủ tọa Đại hội đã đọc dự thảo Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết Đại hội;
- ĐH không có ý kiến thêm và đã thống nhất với Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu; giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết:
 - Tán thành: 100 %; Không tán thành: 0 %; Không ý kiến: 0 %.

Ông Nguyễn Đức Quang, Chủ tọa Đại hội, đã tuyên bố kết thúc Đại hội lúc 11 giờ ... phút cùng ngày. Biên bản này được lập ngay sau khi Đại hội kết thúc, đã được đọc công khai trước toàn thể Đại hội và được các cổ đông tham dự thống nhất thông qua.

TM Ban thư ký
Trưởng ban thư ký

Lê Nguyễn Anh Uyên

TM Đại hội
Chủ tọa

Nguyễn Đức Quang



Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 07 năm 2026

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;
- Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty ngày 22/07/2026;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu (mã CK: SBD) được tổ chức tại trụ sở chính Công ty: Lô U.14b – 16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh ngày 22/07/2026 với sự tham gia của cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự đại hội, đại diện cho ... CP (... cổ phần) chiếm ... % (... phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Nội dung 1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty cho năm TC 2025 kết thúc ngày 31/03/2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – thành viên RSM Quốc tế. Thông tin chi tiết được công bố trên website của Công ty tại: <https://saobaodau.vn>.

Nội dung 2. Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – thành viên RSM Quốc tế (“RSM”) – để đàm phán và ký kết Hợp đồng thực hiện soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính năm tài chính 2026 của Công ty.

Trường hợp việc hợp tác, đàm phán ký kết hợp đồng với RSM không thành công, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chủ động lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập khác thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo công bố của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2026 của Công ty theo đúng quy định pháp luật.

Nội dung 3. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm TC 2025, chi tiết như sau:

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ năm tài chính 2025 đã được kiểm toán.

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	14,57	—
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,50	—
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3,93)	Thuế hoãn lại từ chi phí dự phòng chưa thực hiện
4	Lợi nhuận sau thuế	10,99	—
5	Trích lập các quỹ:	0,385	Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ
6	Lợi nhuận còn lại năm 2025 sau khi trích các quỹ	10,61	—
7	Tỷ lệ cổ tức chi trả 2025	6,96	5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 500 đồng)
8	Hình thức chi trả		Bằng tiền mặt
9	Thời gian chi trả		Dự kiến từ Quý 2/2026

Nội dung 4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm TC 2026 chi tiết như sau:

1. Công ty Mẹ

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu thuần	909,40	1.008,00	10,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	10,90	17,70	62,4%
3	Cổ tức cổ đông Công ty Mẹ	6,96	13,92	100%

2. Hợp nhất (Công ty mẹ và các Công ty con)

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu thuần	918,90	1.008,00	9,7%
2	Lợi nhuận sau thuế	11,04	13,90	25,9%

Nội dung 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm tài chính 2025 (*chi tiết xem tại Tài liệu ĐHCĐ 2026*), và kế hoạch hoạt động, ngân sách của HĐQT năm TC 2026 như sau:

1. Định hướng của Hội đồng Quản trị

1.1 Kế hoạch quản trị và kinh doanh

- a. Phát triển kinh doanh: Hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2026, củng cố thị trường truyền thống, mở rộng khách hàng chiến lược, tăng cường hợp tác công nghệ, mở rộng lĩnh vực kinh doanh và tối ưu hiệu quả vận hành toàn hệ thống.
- b. Quản trị tài chính và rủi ro: Tăng cường quản lý dòng tiền và công nợ, đẩy mạnh thu hồi công nợ tồn đọng, nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, đảm bảo tuân thủ pháp luật và chuẩn mực công ty đại chúng.

1.2 Văn hoá doanh nghiệp: HĐQT tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa doanh nghiệp được xây dựng trong suốt chặng đường 30 năm phát triển của SBD, hướng tới môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và đổi mới.

1.3 Nguồn nhân lực: Tăng cường đào tạo và phát triển nhân sự, xây dựng đội ngũ kế thừa, trẻ hóa bộ máy quản lý, đồng thời thu hút và giữ chân nhân tài.

1.4 Khoa học công nghệ: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin, hạ tầng số, an ninh mạng nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

2. Ngân sách HĐQT năm tài chính 2026

- HĐQT trình ĐHCĐ thông qua ngân sách hoạt động năm 2026, bao gồm thù lao các thành viên HĐQT, chi phí vận hành Văn phòng HĐQT, chi phí tổ chức các cuộc họp, hội nghị, chi phí thuê tư vấn và các khoản chi liên quan khác.
- Tổng ngân sách hoạt động dự kiến không vượt quá 5,1 tỷ đồng.

Nội dung 6. Thông qua Điều lệ Công ty (đã được sửa đổi, bổ sung) của Công ty và giao Hội đồng quản trị tổ chức ban hành và triển khai thực hiện Điều lệ này.

Nội dung 7. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (đã được sửa đổi, bổ sung) của Công ty và giao Hội đồng quản trị tổ chức ban hành và triển khai thực hiện Quy chế này.

Nội dung 8. Thông qua Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị (đã được sửa đổi, bổ sung) của Công ty và giao Hội đồng quản trị tổ chức ban hành và triển khai thực hiện Quy chế này.

Nội dung 9. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm tài chính 2025 (*chi tiết xem tại Tài liệu ĐHCĐ 2026*), và Kế hoạch hoạt động, ngân sách của BKS năm TC 2026 như sau:

1. Mục tiêu

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ

319
ĐNG
S PH
IG N
BẮC
S HỒ

đồng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ trong toàn Group.

2. Kế hoạch hoạt động năm 2026

- Tham gia tổ chức và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cấp quản lý trong việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính, quy trình nội bộ và các chính sách quản lý của Công ty.
- Thực hiện giám sát tình hình tài chính, quản lý dòng tiền, khả năng thanh toán, quản lý vốn, hiệu quả sử dụng tài sản, công nợ, ngân sách và các chỉ tiêu tài chính trọng yếu.
- Thẩm định các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm; phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.
- Xem xét các kiến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Thu thập thông tin, tiếp nhận và xử lý các ý kiến, kiến nghị của cổ đông theo thẩm quyền.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục thực hiện chức năng giám sát hệ thống Compliance Management System (CMS) và Chính sách Liêm chính trên phạm vi toàn Group; tổ chức các đợt rà soát định kỳ theo kế hoạch, theo dõi việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra và đánh giá hiệu quả các biện pháp khắc phục.
- Đánh giá mức độ tuân thủ các quy trình nội bộ, quy định quản trị, cơ chế phân quyền phê duyệt và các hoạt động kiểm soát trọng yếu; kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và tuân thủ.
- Theo dõi, đánh giá việc xây dựng văn hóa liêm chính, minh bạch và tuân thủ trong toàn Group; thực hiện tổng hợp và báo cáo định kỳ tình hình tuân thủ CMS cho Hội đồng quản trị.

3. Ngân sách hoạt động năm 2026

Tổng ngân sách hoạt động dự kiến của Ban Kiểm soát năm tài chính 2026 là 1.074.376.309 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm lẻ chín đồng), tương đương 1,07 tỷ đồng. Ngân sách bao gồm thù lao các thành viên Ban Kiểm soát, chi phí kiểm tra giám sát, chi phí hội họp, đào tạo, tư vấn chuyên môn (nếu có) và các chi phí hoạt động khác theo quy định của Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày 22/07/2026. Hội đồng quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết để triển khai thực hiện.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

NGUYỄN ĐỨC QUANG



DỰ THẢO



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2026

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
CUỘC HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu;

Cuộc họp thường niên năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

Điều 1: Cổ đông tham dự cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 18/06/2026) đều có quyền tham dự cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng họp Đại hội (tham dự trực tiếp) phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức và Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Các Đại biểu có quyền sao chép, ghi âm và sử dụng các tài liệu đã công bố hoặc theo quy định pháp luật. Đối với các tài liệu, thông tin chưa công bố, việc sao chép, ghi âm hoặc cung cấp ra ngoài chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của Đoàn Chủ tịch;
5. Không hút thuốc lá trong Phòng họp Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra cuộc họp Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 2: Đoàn Chủ tịch



1. Đoàn Chủ tịch gồm từ 02 đến 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và các thành viên;
Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập.
Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.
Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp. Người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình cuộc họp được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình cuộc họp Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:
Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 3: Ban Thư ký cuộc họp Đại hội

1. Ban Thư ký của cuộc họp Đại hội bao gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại cuộc họp Đại hội.

Điều 4: Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội do Ban tổ chức thành lập, gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:
 - Ban kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự cuộc họp của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu số Đại biểu tham dự đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu được tiến hành.

Điều 5: Ban Kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu

031918
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
SAO BẮC Đ
HỒ HỒ C

- nại về kết quả biểu quyết, bầu cử trong cuộc họp;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

Điều 6: Thảo luận tại cuộc họp Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại cuộc họp của Đại hội sẽ được Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu trả lời bằng văn bản.

Điều 7: Biểu quyết thông qua các vấn đề cần lấy ý kiến Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết.
2. Cách thức biểu quyết:
 - Đại biểu dự họp trực tiếp biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết khi Chủ tọa đề xuất các phương án lựa chọn: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến về các nội dung cần biểu quyết.

Điều 8: Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc trước khi bế mạc cuộc họp của Đại hội.

Điều 9: Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm 09 Điều và có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

NGUYỄN ĐỨC QUANG



**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN QUYỀN CỔ ĐÔNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

(V/v: ~~Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026~~)

BÊN ỦY QUYỀN:

- Tên Cổ đông:
- Số cổ phần/số hữu/Ủy quyền:
- CCCD số/GCNDKDN số: Ngày cấp:/...../.....
- Địa chỉ thường trú/đăng ký:
- Điện thoại:

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

(Cổ đông vui lòng đánh dấu X vào ô vuông tương ứng với tư cách của Bên nhận ủy quyền và điền thông tin phù hợp)

TRƯỜNG HỢP 1: BÊN NHẬN ỦY QUYỀN LÀ CÁ NHÂN

- Họ và tên cá nhân:
- CCCD số: Ngày cấp:/...../.....
- Địa chỉ thường trú/đăng ký:
- Điện thoại:

TRƯỜNG HỢP 2: BÊN NHẬN ỦY QUYỀN LÀ TỔ CHỨC

(Ví dụ: Công ty chứng khoán, Văn phòng luật sư, Quỹ đầu tư...)

- Tên tổ chức:
- Số GCNDKDN /QĐTL: Ngày cấp:/...../.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Người đại diện theo pháp luật:

Thông tin nhân sự được Tổ chức nhận ủy quyền cử/chỉ định trực tiếp tham dự Đại hội:

- Họ và tên cá nhân đi họp:
- CCCD số: Ngày cấp:/...../.....
- Chức vụ tại Tổ chức:



NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên ủy quyền đồng ý ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền thay mặt và nhân danh Bên ủy quyền tham dự, thực hiện quyền cổ đông và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi tắt là “Cuộc họp của Đại hội”) của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Các quyền được ủy quyền bao gồm, nhưng không giới hạn:

- Tham dự cuộc họp thường niên năm 2026 của Đại hội; phát biểu ý kiến; thảo luận; tham gia biểu quyết theo các hình thức quy định tại tất cả các phiên họp thường niên năm 2026 của Đại hội;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của cổ đông tại Đại hội theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức Đại hội.

Các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung ủy quyền và cam kết tuân thủ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu cùng các quy định pháp luật hiện hành.

Người ủy quyền cam kết không ủy quyền cho bất kỳ bên thứ ba nào khác đối với số cổ phần nêu trên và đồng ý ký lại giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty trong trường hợp Công ty có yêu cầu hợp pháp.

THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty, trừ trường hợp chấm dứt theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba. *(Lưu ý: Riêng đối với trường hợp Bên nhận ủy quyền là Tổ chức, việc người đại diện theo pháp luật của Tổ chức đó ban hành văn bản hành chính/văn bản ủy quyền nội bộ để cử nhân sự thuộc tổ chức mình trực tiếp đi họp theo thông tin đăng ký nêu trên thì không bị coi là ủy quyền lại cho bên thứ ba).*

TP., ngày ... tháng ... năm 2026

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu là Tổ chức, Người ĐDPL ký tên và đóng dấu)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu là Tổ chức, Người ĐDPL ký tên và đóng dấu)



QUY ĐỊNH HƯỚNG DẪN HỒ SƠ VÀ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN TƯ CÁCH THAM DỰ

(Áp dụng đối với trường hợp Cổ đông ủy quyền cho một Tổ chức khác tham dự Đại hội)

1. Quy định về Thẩm quyền và Chữ ký trên Giấy ủy quyền (GUQ):

- a. **Bên ủy quyền (Cổ đông là Tổ chức):** GUQ phải do Người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền hợp pháp từ Người đại diện pháp luật) của Cổ đông ký tên và đóng dấu pháp nhân của Cổ đông đó.
- b. **Bên nhận ủy quyền (Tổ chức được ủy quyền):** GUQ phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và đóng dấu pháp nhân của Tổ chức nhận ủy quyền để xác nhận việc chấp thuận nội dung ủy quyền.

2. Quy định về Thẩm quyền cử nhân sự đi họp của Tổ chức nhận ủy quyền:

- Tổ chức nhận ủy quyền (Công ty chứng khoán, Văn phòng luật sư, ...) có quyền cử cán bộ/nhân viên thuộc tổ chức mình trực tiếp tham dự và thực hiện quyền biểu quyết.
- Việc cử nhân sự phải được thể hiện bằng Văn bản cử người tham dự/Giấy ủy quyền nội bộ do chính Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức nhận ủy quyền ký tên và đóng dấu. Văn bản này phải ghi rõ họ tên, số CCCD/Hộ chiếu của nhân sự được cử đi họp trùng khớp với thông tin đã khai trên GUQ.

3. Hồ sơ xuất trình tại Bàn kiểm tra tư cách cổ đông:

Khi làm thủ tục đăng ký tham dự tại Đại hội, cá nhân được cử đi họp phải xuất trình bộ hồ sơ đầy đủ (bản cứng) bao gồm các giấy tờ sau:

- a. **Giấy ủy quyền (Bản gốc):** Đầy đủ chữ ký và dấu của cả Bên ủy quyền và Bên nhận ủy quyền theo mẫu của Công ty.
- b. **Văn bản cử người đi họp (Bản gốc):** Do Tổ chức nhận ủy quyền cấp cho cá nhân đi họp.
- c. **Giấy tờ pháp lý của các Tổ chức (Bản sao hợp lệ):** Bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập của Cổ đông tổ chức và của Tổ chức nhận ủy quyền (để đối chiếu thẩm quyền của người ký).
- d. **Giấy tờ cá nhân của người trực tiếp đi họp (Bản chính):** Thẻ CCCD, Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc VNEID được xác nhận mức 2 của cá nhân được cử đi họp để đối chiếu xác nhận tư cách.

4. Cách thức xác nhận tư cách tham dự của Ban kiểm tra:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiến hành đối chiếu số lượng cổ phần sở hữu hợp pháp của Cổ đông ủy quyền trên Sổ đăng ký cổ đông chốt quyền tham dự ĐHCĐ năm 2026 của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lệ của con dấu, chữ ký của các bên trên GUQ và Văn bản cử người tham dự.
- Nếu bộ hồ sơ đầy đủ và thông tin cá nhân trùng khớp với Thẻ CCCD xuất trình, Ban kiểm tra sẽ cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết tương ứng với số lượng cổ phần được ủy quyền để cá nhân vào phòng họp.





THẺ BIỂU QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Số ĐKSH (CCCD/GCNDKDN):

Họ tên cổ đông:

Số CP sở hữu và đại diện: